

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 / 8 / 2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Mừng;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Bảo T, sinh năm 1992; địa chỉ: số A, ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

Bị đơn: Bà Châu Ngọc Quý N, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Bảo T trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, ông T và bà Châu Ngọc Quý N kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/02/2013. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Phạm Thiên K, sinh ngày 28/5/2013 và Phạm Tường V, sinh ngày 27/8/2014.*

Hiện tại, cháu K đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu V đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Sau khoảng thời gian 03 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 05 năm nay, không liên lạc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Gia đình hai bên biết được mâu thuẫn của vợ chồng ông T, bà N nhưng không hòa giải, hàn gắn cho vợ chồng mà để vợ chồng tự quyết định.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà N; yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K; đồng ý để bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V; ông T, bà N không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: bản sao trích lục khai sinh số 55/TLKS-BS ngày 13/02/2020 của Phạm Thiên K, sinh ngày 28/5/2013; bản sao trích lục khai sinh số 54/TLKS-BS ngày 13/02/2020 của Phạm Tường V, sinh ngày 27/8/2014; bản sao trích lục kết hôn số 46/TLKH-BS ngày 11/02/2020 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp (đăng ký số 08 ngày 21/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N).

- Bị đơn bà Châu Ngọc Quý N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông T và bà N chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà N hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Từ khi ông T gửi đơn khởi kiện, bà N không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, ông T xác định không còn tình cảm với bà N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà N theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu K cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu V cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do ông T, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Bảo T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Châu Ngọc Quý N. Đồng thời, bà N cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Châu Ngọc Quý N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông T xác định, từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Vợ chồng không còn sống chung cách nay khoảng 05 năm.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông T và bà N không còn sống chung cách nay khoảng 05 năm. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà N nhưng bà N không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T, bà N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định trong thời gian chung sống, ông T và bà N có sinh 02 con chung tên Phạm Thiên K, sinh ngày 28/5/2013 và Phạm Tường V, sinh ngày 27/8/2014.

Xét thấy, cháu K đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu V đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung đang phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu K, V, giúp các con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu K cho ông T tiếp tục

chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu V cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà N vắng mặt, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bảo T.

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Bảo T được ly hôn với bà Châu Ngọc Quý N.

Giấy chứng nhận kết hôn 08, ngày 21/02/2013 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Phạm Bảo T và bà Châu Ngọc Quý N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Phạm Bảo T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thiên K, sinh ngày 28/5/2013; bà Châu Ngọc Quý N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Tường V, sinh ngày 27/8/2014. Ông Phạm Bảo T, bà Châu Ngọc Quý N không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Phạm Bảo T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Châu Ngọc Quý N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thiên K.

Bà Châu Ngọc Quý N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Bảo T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Tường V.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Bảo T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số TU/2017/0008052 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 02 năm 2020; ông Phạm Bảo T đã nộp đủ án phí.

Bà Châu Ngọc Quý N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Bảo T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Châu Ngọc Quý N được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình